

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA ĐÀN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2024/HNGĐ – ST**  
Ngày 28/06/2024  
V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi  
con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Anh Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Nghị và bà Cao Thị Hằng.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2024/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1998. (Có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: xóm M, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Xuân H1 – sinh năm 1995. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Mai Xuân H1 có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng

không có hạnh phúc nên hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai liên lạc, quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay xét thấy cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **H** yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh **Mai Xuân H1**.

Về con chung: Anh chị có một con chung là **Mai Xuân T**, sinh ngày 23/10/2021. Nếu ly hôn chị **H** có nguyện vọng để con chung cho anh **H1** nuôi vì từ khi hai vợ chồng sống ly thân nhau thì con ở với anh **H1**. Về cấp dưỡng nuôi con chung tại buổi hoà giải chị **H** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **H1** là 2.000.000 đồng nhưng sau khi về suy nghĩ lại và do hoàn cảnh còn khó khăn nên tại phiên tòa hôm nay chị **H** thay đổi và sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **H1** mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), bắt đầu tính từ tháng 7 năm 2024 trở đi.

Về tài sản chung: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Mai Xuân H1** trình bày tại bản tự khai và quá trình hoà giải như sau: Về thời gian, điều kiện và địa điểm kết hôn như chị **H** trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do chị **H** thường xuyên bỏ về nhà ông bà bên ngoại, không biết chăm lo cho gia đình, gia đình bên ngoại không biết vun vén cho hạnh phúc vợ chồng mà còn xui cho vợ chồng bỏ nhau để đi làm ăn, kiếm tiền. Mặt khác chị **H** bỏ chồng con đi sống với hai người đàn ông khác và hiện nay đang mang bầu với người đàn ông khác. Nay anh **H1** cũng không còn tình cảm với chị **H** nữa và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **H** nhưng anh không ký vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành.

Về con chung: Anh chị có một con chung là **Mai Xuân T**, sinh ngày 23/10/2021. Nếu ly hôn anh **H1** có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị **H** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Anh **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các giấy tờ hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình không chấp hành đến phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị H** là được ly hôn với anh **Mai Xuân H1**. Về con cái: Giao con chung **Mai Xuân T**, sinh ngày 23/10/2021 cho anh **H1** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến lúc con chung đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị H tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Mai Xuân H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có mặt tại phiên tòa.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

2. Về thủ tục tố tụng: Anh Mai Xuân H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Mai Xuân H1 có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Đối với anh Mai Xuân H1 Tòa án đã triệu tập anh lên Tòa án để hòa giải thì anh cũng đồng ý ly hôn nhưng anh không ký vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, điều đó thể hiện anh cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Xét thấy tình cảm của cả hai bên đều không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H là được ly hôn với anh Mai Xuân H1.

4. Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có một con chung là Mai Xuân T, sinh ngày 23/10/2021. Nguyên vọng của chị H là để con chung cho anh H1 nuôi vì từ khi hai vợ chồng sống ly thân nhau thì con chung sống với anh H1. Anh H1 có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn phù hợp vì từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu T ở cùng với anh H1, được anh ba chăm sóc tốt. Vì vậy, cần giao con chung cho anh H1 được trực tiếp nông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh H1 không yêu cầu, nhưng chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị H và bắt đầu tính từ tháng 7 năm 2024 trở đi.

5. Về quan hệ tài sản: Chị **H** và anh **H1** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.
6. Về án phí: Anh **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, điều 147, Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị H** là được ly hôn với anh **Mai Xuân H1**.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh **Mai Xuân H1** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là **Mai Xuân T**, sinh ngày 23/10/2021. Chị **H** có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **H1** mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), tính từ tháng 7 năm 2024 cho đến lúc con chung đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị **H** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc có lý do chính đáng, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Chị **H** và anh **H1** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0012305 ngày 10 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn nên tiếp tục phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h. Nghĩa Đàn;
- Chi cục THADS h. Nghĩa Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Hiếu, h. Nghĩa Đàn (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Anh Xuân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Sỹ Nghị**

**Cao Thị Hằng**

**Lương Anh Xuân**